

Phụ lục số 01

ĐỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 03 XÃ: BA LIÊN, BA ĐIỀN, BA VÌ

(Kèm theo Quyết định số: 81/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công đã bố trí giai đoạn 2021-2024			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh tại Quyết định này			Chênh lệch (ngân sách tỉnh)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		
I	XÃ BA LIÊN		12.050,00	10.845,00	1.205,00	8.000,00	8.000,00	0,00	2.845,00	2.845,00	0,00	2.845,00	2.845,00	0,00	0,00	
1	Tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH&THCS	UBND xã Ba Liên	1.146,528	1.031,875	114,653	999,000	999,000		351,000	351,000		32,875	32,875		-318,125	Điều chỉnh
2	Nối tiếp tuyến BTXM từ trường TH&THCS đi NVH thôn Hương Chiên	UBND xã Ba Liên	350,0	315,0	35,0	234,000	234,0		81,000	81,0		81,000	81,000		0,000	
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Nước Suối đi Dốc Ồi	UBND xã Ba Liên	1.000,0	900,0	100,0	666,000	666,0		234,000	234,0		234,000	234,000		0,000	
4	Kiên cố hóa kênh mương tại đồng Dốc ổi	UBND xã Ba Liên	1.200,0	1.080,0	120,0	792,000	792,0		288,000	288,0		288,000	288,000		0,000	
5	Kè chống sạt lở phía đông suối Đá chất	UBND xã Ba Liên	1.451,0	1.305,9	145,1	999,000	999,0		351,000	351,0		306,870	306,870		-44,130	Điều chỉnh
6	Trường TH&THCS Ba Liên; hạng mục: Nhà đa năng	UBND xã Ba Liên	5.476,1	4.928,5	547,6	3.644,000	3.644,0		1.306,000	1.306,0		1.284,490	1.284,490		-21,510	Điều chỉnh
7	Trường Mầm non Ba Liên; hạng mục: Bếp ăn đạt chuẩn	UBND xã Ba Liên	1.000,0	900,0	100,0	666,000	666,0		234,000	234,0		234,000	234,000		0,000	
8	Nối tiếp BTXM tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH&THCS Ba Liên	UBND xã Ba Liên	426,405	383,765	42,640	0,000	0,000		0,000	0,000		383,765	383,765		383,765	Bổ sung
II	XÃ BA VÌ		60.378,000	47.703,000	12.675,000	10.000,000	10.000,000	0,000	37.703,000	37.703,000	0,000	37.703,000	37.703,000	0,000	0,000	
1	Nghĩa trang nhân dân xã Ba Vì	UBND xã Ba Vì	3.000,000	1.800,000	1.200,000	0,000	0,000		1.800,000	1.800,000		1.800,000	1.800,000		0,000	
2	Trường Tiểu học Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	UBND xã Ba Vì	5.685,000	4.548,000	1.137,000	4.548,000	4.548,000		852,000	852,000		0,000	0,000		-852,000	Điều chỉnh
3	Trường THCS Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng tập và 02 phòng hỗ trợ	UBND xã Ba Vì	3.737,500	2.990,000	747,500	2.990,000	2.990,000		570,000	570,000		0,000	0,000		-570,000	Điều chỉnh
4	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Bà Lương đến cầu Nước Ui	UBND xã Ba Vì	1.000,000	800,000	200,000	500,000	500,000		300,000	300,000		300,000	300,000		0,000	
5	Đường BTXM Tổ Đồng Rò đi bể Nước sạch, thôn Nước Xuyên	UBND xã Ba Vì	700,000	560,000	140,000	400,000	400,000		160,000	160,000		160,000	160,000		0,000	
6	Kiên cố hóa kênh Mã Nin	UBND xã Ba Vì	1.187,000	950,000	237,000	762,000	762,000		188,000	188,000		188,000	188,000		0,000	

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công đã bố trí giai đoạn 2021-2024			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh tại Quyết định này			Chênh lệch (ngân sách tỉnh)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		
7	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ cầu Suối Nước Đen đến nhà ông Lầy	UBND xã Ba Vi	3.000,000	2.400,000	600,000	100,000	100,000		2.300,000	2.300,000		2.300,000	2.300,000		0,000	
8	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Nước Trét - Gò Vành	UBND xã Ba Vi	1.840,000	1.472,000	368,000	100,000	100,000		1.372,000	1.372,000		1.372,000	1.372,000		0,000	
9	Kiên cố hóa Kênh Nước Trét	UBND xã Ba Vi	1.071,000	857,000	214,000	100,000	100,000		757,000	757,000		757,000	757,000		0,000	
10	Trường Tiểu học Ba Vi; Hạng mục: Tường rào, sửa chữa, nâng cấp sân trường	UBND xã Ba Vi	1.065,000	852,000	213,000	0,000	0,000		0,000	0,000		852,000	852,000		852,000	Bổ sung
11	Trường THCS Ba Vi; Sửa chữa, nâng cấp sân trường	UBND xã Ba Vi	712,500	570,000	142,500	0,000	0,000		0,000	0,000		570,000	570,000		570,000	Bổ sung
12	Cầu Pa Ranh	Ban QLDA DTXD&PT QĐ	4.160,000	3.328,000	832,000	100,000	100,000		6.700,000	6.700,000		3.228,000	3.228,000		-3.472,000	Điều chỉnh
13	Cầu Nước Đen	Ban QLDA DTXD&PT QĐ	8.200,000	6.560,000	1.640,000	100,000	100,000		6.460,000	6.460,000		6.460,000	6.460,000		0,000	
14	Cầu Nước Vai	Ban QLDA DTXD&PT QĐ	12.000,000	9.600,000	2.400,000	100,000	100,000		9.500,000	9.500,000		9.500,000	9.500,000		0,000	
15	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen đi Mang Cánh	Ban QLDA DTXD&PT QĐ	3.680,000	2.944,000	736,000	100,000	100,000		2.844,000	2.844,000		2.844,000	2.844,000		0,000	
16	BTXM cầu Nước Vai đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)	Ban QLDA DTXD&PT QĐ	9.340,000	7.472,000	1.868,000	100,000	100,000		3.900,000	3.900,000		7.372,000	7.372,000		3.472,000	Điều chỉnh
III	XÃ BA ĐIỀN		27.000,000	23.700,000	3.300,000	17.000,000	17.000,000	0,000	6.700,000	6.700,000	0,000	6.700,000	6.700,000	0,000	0,000	
1	Nối tiếp BTXM tuyến Gò Nghênh - Xóm Đồng	UBND xã Ba Điền	1.000,000	900,000	100,000	630,000	630,000		270,000	270,000		270,000	270,000		0,000	
2	Nối tiếp BTXM tuyến Gò Nghênh - Hy Long	UBND xã Ba Điền	750,000	675,000	75,000	675,000	675,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	
3	Nâng cấp BTXM Tuyến đường Nhà VH thôn Hy Long - thôn Gò Nghênh	UBND xã Ba Điền	1.150,000	1.035,000	115,000	922,000	922,000		113,000	113,000		113,000	113,000		0,000	
4	Tuyến đường DT 624 - Gò Nê (Nâng cấp Cầu Vã Giá)	UBND xã Ba Điền	1.100,000	990,000	110,000	693,000	693,000		297,000	297,000		297,000	297,000		0,000	

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công đã bố trí giai đoạn 2021-2024			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh tại Quyết định này			Chênh lệch (ngân sách tính)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		
5	Nâng cấp tuyến đường Gò Nghênh – Làng Rêu	UBND xã Ba Điền	2.488,752	2.239,877	248,875	1.620,000	1.620,000		675,000	675,000		619,877	619,877		-55,123	Điều chỉnh
6	Nâng cấp tuyến đường Làng Rêu - Gò Vi	UBND xã Ba Điền	1.000,000	900,000	100,000	630,000	630,000		270,000	270,000		270,000	270,000		0,000	
7	Tuyến đường DT 624 - Gò Nẻ (Nâng cấp Cổng hộp suối Nước Ngọt)	UBND xã Ba Điền	700,000	630,000	70,000	441,000	441,000		189,000	189,000		189,000	189,000		0,000	
8	Nối tiếp BTXM tuyến Làng Roan - Làng Rót	UBND xã Ba Điền	500,000	450,000	50,000	315,000	315,000		135,000	135,000		135,000	135,000		0,000	
9	Nâng cấp tuyến đường Trường Mầm non - Ngã 4 Gò Nghênh	UBND xã Ba Điền	600,000	540,000	60,000	300,000	300,000		240,000	240,000		240,000	240,000		0,000	
10	Nâng cấp BTXM tuyến đường Gò Pa Năng	UBND xã Ba Điền	500,000	450,000	50,000	315,000	315,000		135,000	135,000		135,000	135,000		0,000	
11	Nâng cấp BTXM tuyến đường Gò Nghênh - Khu thể thao xã	UBND xã Ba Điền	600,000	540,000	60,000	378,000	378,000		162,000	162,000		162,000	162,000		0,000	
12	Kênh A Lầy - Ka La	UBND xã Ba Điền	300,000	270,000	30,000	189,000	189,000		81,000	81,000		81,000	81,000		0,000	
13	Đập A Vang	UBND xã Ba Điền	1.820,170	1.638,153	182,017	1.197,000	1.197,000		513,000	513,000		441,153	441,153		-71,847	Điều chỉnh
14	Kè Suối Hy Long	UBND xã Ba Điền	2.822,707	2.540,436	282,271	1.890,000	1.890,000		810,000	810,000		650,436	650,436		-159,564	Điều chỉnh
15	Kè suối Nước Nẻ	UBND xã Ba Điền	1.882,759	1.694,483	188,276	1.260,000	1.260,000		540,000	540,000		434,483	434,483		-105,517	Điều chỉnh
16	Tuyến đường điện Gò Nẻ	UBND xã Ba Điền	250,000	225,000	25,000	162,500	162,500		162,000	162,000		62,500	62,500		-99,500	Điều chỉnh
17	Tuyến đường điện sân vận động xã	UBND xã Ba Điền	650,000	585,000	65,000	422,500	422,500		108,000	108,000		162,500	162,500		54,500	Điều chỉnh
18	Trường TH&THCS Ba Điền; hạng mục: Kè chống sạt lở, sân thể thao, nhà xe	UBND xã Ba Điền	1.200,000	1.080,000	120,000	1.080,000	1.080,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	
19	Trường Mầm non Ba Điền; hạng mục: Khu vệ sinh, nhà bếp, kho, phòng bảo vệ, khu vui chơi	UBND xã Ba Điền	1.200,000	1.080,000	120,000	1.080,000	1.080,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	
20	Nhà văn hóa xã	UBND xã Ba Điền	2.000,000	1.800,000	200,000	1.800,000	1.800,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	
21	Sân thể thao Làng Tương (tường rào, cổng ngõ, sân thể thao)	UBND xã Ba Điền	400,000	360,000	40,000	360,000	360,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công đã bố trí giai đoạn 2021-2024			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh tại Quyết định này			Chênh lệch (ngân sách tính)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác		
22	Nhà văn hóa thôn Hy Long (tường rào, cổng ngõ, sân thể thao)	UBND xã Ba Điền	600,000	540,000	60,000	540,000	540,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	
23	Nghĩa trang nhân dân xã	UBND xã Ba Điền	3.000,000	2.100,000	900,000	100,000	100,000		2.000,000	2.000,000		2.000,000	2.000,000		0,000	
24	Trường Mầm non Ba Điền; hạng mục: Nhà vệ sinh đầy phòng học tập, khu phát triển vận động, sân vườn	UBND xã Ba Điền	485,612	437,051	48,561	0,000	0,000		0,000	0,000		437,051	437,051		437,051	Bổ sung
Cộng (I+II+III)			99.428,00	82.248,00	17.180,00	35.000,00	35.000,00	0,00	47.248,00	47.248,00	0,00	47.248,00	47.248,00	0,00	0,00	

Phụ lục số 02
ĐỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 02 XÃ: BA ĐỘNG, BA

(Kèm theo Quyết định số: 81/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ban hành			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh tại Quyết định này			Chênh lệch (ngân sách tỉnh)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
I	XÃ BA ĐỘNG		14.511,111	13.000,000	1.511,111	13.000,000	13.000,000	0,000	13.000,000	13.000,000	0,000	0,000	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn Trường An	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	6.477,778	5.830,000	647,778	5.830,000	5.830,000	0,000	5.830,000	5.830,000	0,000	0,000	
2	Xây mới Nhà văn hóa thôn Suối Loạ; Hạng mục: Nhà văn hóa, nhà vệ sinh và sân nền	UBND xã Ba Động	0,000	0,000	0,000	1.090,000	1.090,000	0,000	0,000	0,000	0,000	-1.090,000	Điều chỉnh
3	Xây mới Nhà văn hóa thôn Hóc Kè; Hạng mục: Nhà văn hóa, nhà vệ sinh và sân nền	UBND xã Ba Động	0,000	0,000	0,000	1.090,000	1.090,000	0,000	0,000	0,000	0,000	-1.090,000	
4	Xây mới Nhà văn hóa thôn Trường An. Hạng mục: Nhà văn hóa, nhà vệ sinh, sân vườn và dụng cụ thể thao	UBND xã Ba Động	0,000	0,000	0,000	1.350,000	1.350,000	0,000	0,000	0,000	0,000	-1.350,000	
5	Xây mới Nhà văn hóa thôn Tân Long; Hạng mục: Nhà văn hóa, nhà vệ sinh và sân nền	UBND xã Ba Động	0,000	0,000	0,000	1.090,000	1.090,000	0,000	0,000	0,000	0,000	-1.090,000	
6	Trường Trung học cơ sở Ba Động. Hạng mục: Tường rào và sân nền	UBND xã Ba Động	1.222,222	1.100,000	122,222	1.100,000	1.100,000	0,000	1.100,000	1.100,000	0,000	0,000	
7	Trường Tiểu học Ba Động. Hạng mục: Nhà vệ sinh học sinh và tường rào	UBND xã Ba Động	1.200,000	1.080,000	120,000	450,000	450,000	0,000	1.080,000	1.080,000	0,000	630,000	Điều chỉnh
8	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Ba Động	UBND xã Ba Động	0,000	0,000	0,000	400,000	400,000	0,000	0,000	0,000	0,000	-400,000	Điều chỉnh
9	BTXM tuyến đường thôn từ ngã 3 nhà ông Bùi Châu đến nhà ông Lê Văn Long thôn Trường An	UBND xã Ba Động	255,556	230,000	25,556	230,000	230,000	0,000	230,000	230,000	0,000	0,000	
10	Trường Mầm non Ba Động. Hạng mục: Bếp ăn	UBND xã Ba Động	411,111	370,000	41,111	370,000	370,000	0,000	370,000	370,000	0,000	0,000	
11	Nối tiếp BTXM đường Ngã 3 chợ cũ đi nhà lưu niệm đồng chí Trần Toại	UBND xã Ba Động	870,000	783,000	87,000	0,000	0,000	0,000	783,000	783,000	0,000	783,000	

12	Kiên cố hóa kênh Hồ Ròng thôn Suối Loa	UBND xã Ba Động	800,000	720,000	80,000	0,000	0,000	0,000	720,000	720,000	0,000	720,000	Bổ sung
13	Nâng cấp đường QL24-cầu Gò Chùa	UBND xã Ba Động	840,000	756,000	84,000	0,000	0,000	0,000	756,000	756,000	0,000	756,000	
14	BTXM đường xóm Chùa đi nhà ông Có	UBND xã Ba Động	200,000	180,000	20,000	0,000	0,000	0,000	180,000	180,000	0,000	180,000	
15	BTXM đường xóm Chùa đi nhà bà Lê	UBND xã Ba Động	250,000	225,000	25,000	0,000	0,000	0,000	225,000	225,000	0,000	225,000	
16	KCH kênh Rộc Bầu - đồng Bà Chánh	UBND xã Ba Động	843,333	759,000	84,333	0,000	0,000	0,000	759,000	759,000	0,000	759,000	
17	Sân nền via hè đường vào Nghĩa trang liệt sĩ xã Ba Động	UBND xã Ba Động	300,000	210,000	90,000	0,000	0,000	0,000	210,000	210,000	0,000	210,000	
18	Nối tiếp BTXM đường nhà ông Bùi Bảo Hồng đi Bãi Nà thôn Trường An	UBND xã Ba Động	330,000	297,000	33,000	0,000	0,000	0,000	297,000	297,000	0,000	297,000	
19	Nối tiếp BTXM đường QL24 đi nhà ông Nguyễn Thanh Tuấn	UBND xã Ba Động	511,111	460,000	51,111	0,000	0,000	0,000	460,000	460,000	0,000	460,000	
II	XÃ BA CUNG		16.250,000	13.000,000	3.250,000	13.000,000	13.000,000	0,000	13.000,000	13.000,000	0,000	0,000	
1	Đường BTXM từ nhà văn hóa thôn Đồng Dâu-Kon Kua đến nhà ông Lưỡi	UBND xã Ba Cung	750,000	600,000	150,000	600,000	600,000	0,000	600,000	600,000	0,000	0,000	
2	Duy tu, nâng cấp đường BTXM Gò Rét - Ma Nghít	UBND xã Ba Cung	1.500,000	1.200,000	300,000	1.200,000	1.200,000	0,000	1.200,000	1.200,000	0,000	0,000	
3	Cầu - Đường: Gò Loa đi Ma Nghít	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	8.875,000	7.100,000	1.775,000	7.100,000	7.100,000	0,000	7.100,000	7.100,000	0,000	0,000	
4	Đập I Tờ	UBND xã Ba Cung	3.125,000	2.500,000	625,000	2.500,000	2.500,000	0,000	2.500,000	2.500,000	0,000	0,000	
5	Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa Dốc Mốc	UBND xã Ba Cung	0,000	0,000	0,000	800,000	800,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	Điều chỉnh
6	Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa Ma Nghít	UBND xã Ba Cung	0,000	0,000	0,000	800,000	800,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
7	Nhà bếp ăn Trường Mầm non Ba Cung	UBND xã Ba Cung	612,500	490,000	122,500	0,000	0,000	0,000	490,000	490,000	0,000	0,000	Bổ sung
8	Tuyến đường BTXM từ Quán cà phê Bắp (Giáp Quốc lộ 24) đến giáp đường bê tông Rộc Tông	UBND xã Ba Cung	612,500	490,000	122,500	0,000	0,000	0,000	490,000	490,000	0,000	0,000	
9	Tuyến đường BTXM từ nhà ông Luôn đến xóm Gò Loa	UBND xã Ba Cung	775,000	620,000	155,000	0,000	0,000	0,000	620,000	620,000	0,000	0,000	
Tổng cộng			30.761,111	26.000,000	4.761,111	26.000,000	26.000,000	0,000	26.000,000	26.000,000	0,000	0,000	